

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HS-ST

Ngày 29 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1974 tại tỉnh Tiền Giang

Nơi cư trú: số nhà C1, hẻm C2, Khóm B, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1948 và bà Hà Thị Ngọc H, sinh năm 1948; anh chị em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1978; bị cáo có chồng tên Nguyễn Thành N, sinh năm 1968, có 02 con tên Nguyễn Duy K, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 04/10/2017 bị Công an thành phố V xử phạt số tiền 350.000đ về hành vi mua số đề đến nay chưa nộp phạt, đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hồng H, sinh năm 1969 tại tỉnh Vĩnh Long

Nơi cư trú: số nhà C1, hẻm C2, Khóm B, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh

năm 1937 và bà Nguyễn Thị T (chết); anh chị em ruột: có 07 người, lớn nhất 60 tuổi, nhỏ nhất là bị cáo; bị cáo có chồng tên Hồ Thanh D, sinh năm 1971 (đã ly hôn), có 02 con tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Hoàn A, sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về “Tội đánh bạc” theo Bản án số 92/2017/HS-ST ngày 25/12/2017, còn chưa thi hành án: hình phạt bổ sung 5.000.000đ, tiền đánh bạc nộp vào ngân sách nhà nước 1.880.000đ, 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà C1, hẻm C2, Khóm B, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

2. Bà Hà Thị Ngọc H, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3. Bà Thái Kim S, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, đường Nguyễn Văn B, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 11/11/2019, lực lượng Cảnh sát hình sự Công an thành phố V phối hợp cùng Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kiểm tra, phát hiện Nguyễn Thị Ngọc D cùng Nguyễn Hồng H, Phạm Phát G (sinh năm 1983, nơi cư trú: số nhà H, Khóm M, Phường B, thành phố V) đang chơi đồ cờ cá ngựa, tang vật thu giữ: 01 bộ cờ cá ngựa 12 con, 02 hột xí ngầu, tiền đánh bạc 380.000đ.

Lực lượng Công an còn phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thị Ngọc D có hành vi mua bán số đề thắng thua bằng tiền với nhiều người khác bằng cách dựa theo kết quả xổ số kiến thiết các đài Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Cà Mau mở thưởng ngày 11/11/2019 để tính tiền thắng thua. Tang vật bị thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia của Nguyễn Thị Ngọc D, sim số 0931.069.383 lưu giữ ký hiệu số đề, số tiền mua bán số đề ngày 11/11/2019; 05 phoi đề bán các ngày 05, 06, 09, 10/11/2019; số tiền 30.500.000đ mà D đang quản lý trên người; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của Nguyễn Thành N.

Qua điều tra, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H, Phạm Phát G thừa nhận cùng tham gia đồ cờ cá ngựa thắng thua bằng tiền với cách thức: Người

chơi đặt mỗi con ngựa là 5.000đ, người nào có ngựa bị đá về chuồng thì thua 5.000đ, người nào có 04 con ngựa về đích đầu tiên thì thắng 20.000đ. D, H, G đang chơi ván đầu tiên chưa có kết quả thắng thua thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Nguyễn Thị Ngọc D thừa nhận đã thực hiện mua bán số đề được 10 ngày, thu lợi mỗi ngày 30.000đ, tổng số tiền đã thu lợi là 300.000đ thì bị Công an bắt quả tang. Cách thức D bán số đề là bán trực tiếp cho người chơi hoặc người chơi số đề nhắn tin nội dung mua số đề vào số điện thoại 0931.069.383 của D. Việc xác định thắng thua bằng cách dựa theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Đồng Tháp, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt, Long An, Bình Phước, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bến Tre, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Thành phố Hồ Chí Minh và đài miền Bắc. Tỷ lệ thắng thua được xác định như sau:

- Trường hợp người chơi mua đài miền Nam: số đầu, số đuôi, bao lô 02 con số nếu thắng sẽ được số tiền gấp 70 lần số tiền mua (ví dụ: nếu mua 1.000đ, thắng sẽ được 70.000đ); mua 03 con số, mua “số đá” nếu thắng được số tiền gấp 600 lần số tiền mua (ví dụ: mua 1.000đ, thắng sẽ được 600.000đ).

- Trường hợp người chơi mua đài miền Bắc: số đầu, số đuôi, bao lô 02 con số nếu thắng sẽ được số tiền gấp 75 lần số tiền mua (ví dụ: nếu mua 1.000đ, thắng được 75.000đ); bao lô 03 con số nếu thắng được số tiền gấp 600 lần số tiền mua (ví dụ: mua 1.000đ, thắng được 600.000đ).

Hàng ngày, D giao lại số đề cho một người tên T1 bằng cách nhắn tin số đề, số tiền mua bán đề cho T1 qua số điện thoại 0949.715.749 để hưởng hoa hồng hoặc trực tiếp thắng thua với T1. Năm phôi đề thu giữ là số đề, số tiền mà D đã bán cho người chơi sau đó giao lại T1 đã tính thắng thua. Tin nhắn nội dung mua bán số đề lưu giữ trong điện thoại di động hiệu Nokia gắn sim 0931.069.383 là ký hiệu số đề, số tiền mua bán số đề D bán ngày 11/11/2019, đã nhắn tin giao số đề cho T1 xong.

Kết quả điều tra đã xác định D thực hiện hành vi đánh bạc như sau:

- Ngày 05/11/2019, D dựa vào kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Bến Tre, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu mua bán 18 con số đề, số tiền trên phôi là 1.630.000đ, người mua số trúng (trúng) 700.000đ nên số tiền dùng đánh bạc là 2.330.000đ.

- Ngày 06/11/2019, D dựa vào kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Đồng Nai, Cần Thơ, Sóc Trăng mua bán 07 con số đề, số tiền trên phôi là 948.000đ, người mua số trúng 1.050.000đ nên số tiền dùng đánh bạc là 1.998.000đ.

- Ngày 09/11/2019, D dựa vào kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Long An, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước, Hậu Giang mua bán 04 con số đề, số tiền trên phôi là 944.000đ, người mua số trúng 700.000đ nên số tiền dùng đánh bạc là 1.644.000đ; dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài miền Bắc mua bán 18 con số

đề, số tiền trên phôi là 2.376.000đ, người mua không trúng nên số tiền dùng đánh bạc là 2.376.000đ.

- Ngày 10/11/2019, D dựa vào kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt mua bán 11 con số đề, số tiền trên phôi là 236.000đ, người mua số trúng 140.000đ nên số tiền dùng đánh bạc là 376.000đ; dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài miền Bắc mua bán 11 con số đề, số tiền trên phôi là 483.000đ, người mua không trúng nên số tiền dùng đánh bạc là 483.000đ.

- Ngày 11/11/2019, D dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Cà Mau mua bán 13 con số đề, số tiền trên phôi là 18.730.000đ. Trong lúc chờ kết quả thắng thua thì đã bị phát hiện, chưa có kết quả xổ số nên số tiền dùng đánh bạc là 18.730.000đ.

- Ngoài ra, Nguyễn Thị Ngọc D thừa nhận vào ngày 07/11/2019, D đã dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài An Giang bán 04 con số đề cho người mua với số tiền 108.000đ.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã làm việc, xác định những người tham gia mua số đề của D như sau:

1. Bị cáo Nguyễn Hồng H gặp trực tiếp D ngày 07/11/2019 mua 03 con số đề dựa theo kết quả xổ số đài An Giang với số tiền 108.000đ; ngày 09/11/2019 mua 03 con số đề dựa theo kết quả xổ số đài Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Phước, Hậu Giang số tiền 584.000đ, trúng 01 con số với số tiền 350.000đ; ngày 10/11/2019 mua 01 con số đề dựa theo kết quả xổ số đài Đà Lạt với số tiền 36.000đ, trúng 140.000đ. Tổng số tiền H đánh bạc là 1.218.000đ.

2. Nguyễn Thành N mua 01 con số đề ngày 09/11/2019 dựa theo kết quả xổ số đài Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Phước, Hậu Giang với số tiền 360.000đ, trúng 350.000đ; ngày 11/11/2019 mua 04 con số đề dựa theo kết quả xổ số đài Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Cà Mau với số tiền 2.160.000đ. Tổng số tiền N đánh bạc là 2.870.000đ.

3. Bà Thái Kim S trực tiếp gặp D vào ngày 10/11/2019 để mua 10 con số đề dựa theo kết quả xổ số kiến thiết tỉnh Tiền Giang, Kiên Giang, Đà Lạt với số tiền 200.000đ và 11 con số của đài miền Bắc với số tiền 483.000đ. Tổng số tiền S đánh bạc là 683.000đ, đã trả tiền mua đề với D.

Riêng một số người khác đã mua số đề của D nhưng D không biết họ và tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan cảnh sát điều tra không làm việc được.

Đối với số điện thoại 0949.715.749 mà D khai đã nhắn tin, giao đề cho người tên T1 ở Phường H, thành phố V, Cơ quan cảnh sát điều tra có văn bản đề nghị Trung tâm kinh doanh VNPT Vĩnh Long cung cấp thông tin người đăng ký chủ sở hữu số thuê bao trên và được cung cấp thông tin số thuê bao trên do Nguyễn Phước Thiên K, sinh năm 1966, cư trú tại ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An đứng tên đăng ký. Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành xác minh đã xác định Nguyễn Phước Thiên K có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng không

sinh sống tại địa phương, không rõ làm gì, ở đâu nên cơ quan Công an không làm việc được.

Từ lời khai của D, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành xác minh, làm việc với Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1983 và chồng tên Nguyễn Văn T2, sinh năm 1979, cùng cư trú: số nhà M, đường X, Phường H, thành phố V. Tuy nhiên, T1 và T2 không thừa nhận có thực hiện hành vi mua bán số đề với bị cáo D; không đủ căn cứ chứng minh T1, T2 sử dụng số điện thoại di động 0949.715.749 nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đủ cơ sở xử lý đối với T1 và T2.

Đối với Nguyễn Hồng H đã từng bị kết án về “Tội đánh bạc”, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc nên H bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi đánh bạc của Phạm Phát G, Nguyễn Thành N, Nguyễn Kim S do số tiền đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự. Công an thành phố V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc đối với G số tiền 1.500.000đ và N số tiền 350.000đ, còn Thái Kim S hiện nay đã bỏ địa phương đi, không rõ nơi cư trú nên chưa xử lý được.

Tại Cáo trạng số 83/CT-VKS.TPVL ngày 28/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H “Tội đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà các bị cáo bị truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia xét xử đã trình bày luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hai bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H phạm “Tội đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Nguyễn Hồng H.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D từ 03 – 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H từ 03 - 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo D, H được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D nộp số tiền đánh bạc 28.045.000đ và số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc 300.000đ để sung vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo H nộp số tiền đánh bạc 1.218.000đ; buộc ông Nguyễn Thành N nộp số tiền đánh bạc 2.870.000đ để sung vào ngân sách nhà nước.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng; 01 bộ cờ cá ngựa 12 con, 02 hột xí ngầu đã qua sử dụng. Hoàn trả bà Hà Thị Ngọc H số tiền 30.000.000đ theo Biên lai thu tiền số No 001740 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H mỗi bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tham gia tranh luận, không ý kiến đối đáp; trong phần nói sau cùng, hai bị cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H đã khai hành vi phạm tội là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, trình bày của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H phạm “Tội đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội phức tạp, gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, hoạt động bình thường của xã hội. Bị cáo D thực hiện hành vi đánh bạc trái phép

thắng thua bằng tiền với hình thức mua bán số đề, vì động cơ vụ lợi để có thu nhập bất chính. Số tiền đánh bạc mà bị cáo thắng thua với người mua khi bị bắt quả tang các ngày 05, 06, 07, 09, 10, 11/11/2020 là 28.045.000đ, nhưng tiền đánh bạc từng lần đánh bạc bằng hoặc trên mức tối thiểu 5.000.000đ để truy cứu trách nhiệm hình sự là 18.730.000đ của ngày 11/11/2019; số tiền thu lợi từ bán số đề theo D khai là 300.000đ. Bị cáo H thực hiện hành vi mua số đề của bị cáo D các ngày 07, 09, 10/11/2019 với tổng số tiền 1.218.000đ là dưới 5.000.000đ nhưng bị cáo H đã bị kết án về “Tội đánh bạc” chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục vi phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, hai bị cáo D, H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng bị cáo D, H quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo D được áp dụng thêm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo là không có.

[5] Cả hai bị cáo đều có nhân thân không tốt, trong đó, bị cáo D vào năm 2017 bị Công an thành phố V xử phạt hành chính hành vi đánh bạc số tiền 350.000đ vẫn chưa nộp phạt, đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo D phạm tội ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo D đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Bị cáo H đã bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về “Tội đánh bạc” vào năm 2017. Bị cáo H vẫn chưa thi hành án hình phạt bổ sung 5.000.000đ, tiền đánh bạc nộp vào ngân sách nhà nước 1.880.000đ, 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Điều này cho thấy bị cáo rất xem thường pháp luật, cần phải bị xử lý nghiêm với một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố. Cần cách ly bị cáo H ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, giúp bị cáo cải tạo bản thân và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo H tham gia đánh bạc số tiền không lớn, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội không cao, có vai trò không đáng kể. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo H.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo D, H do hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn.

[6] Biện pháp tư pháp: Số tiền 28.045.000đ được xác định là số tiền bị cáo D đánh bạc và 300.000đ là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên buộc bị cáo D nộp số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo H tham gia đánh bạc số tiền 1.218.000đ, Nguyễn Thành N đánh bạc số tiền 2.870.000đ chưa thanh toán, kết toán tiền với bị cáo D. Vì vậy, buộc bị cáo H nộp số tiền đánh bạc 1.218.000đ, buộc ông N nộp số tiền đánh bạc 2.870.000đ để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Xử lý vật chứng: Số tiền 30.880.000đ được bà Hà Thị Ngọc H là mẹ của bị cáo D xác định có 30.000.000đ là tiền của bà H vừa bán trái cây gửi bị cáo D giữ hộ và yêu cầu được nhận lại số tiền này. Hội đồng xét xử xác định số tiền 30.000.000đ không liên quan hành vi mua bán số đề của bị cáo D mà thuộc sở hữu bà H nên trả lại bà H số tiền này. Số tiền 380.000đ là số tiền bị cáo D, H và G bị bắt quả tang chơi đồ cò cá ngựa thắng thu bằng tiền nên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền 500.000đ tạm giữ của bị cáo D được khấu trừ vào số tiền buộc nộp.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thuộc sở hữu bị cáo D sử dụng mua bán số đề và 01 điện thoại di động thuộc sở hữu ông N đã nhắn tin mua số đề nên đây là công cụ phạm tội buộc tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước. Một bộ cò cá ngựa 12 con đã qua sử dụng, 02 hột xí ngầu đã qua sử dụng là vật không giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Án phí: Buộc các bị cáo D, H mỗi bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 mục I Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 mục I Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đối với bị cáo Nguyễn Hồng H.

1. Tuyên bố hai bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H phạm “Tội đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Hồng H được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D nộp số tiền đánh bạc 28.045.000đ (hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) và số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước khấu trừ số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số No 001740 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D nộp thêm số tiền 27.845.000đ (hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng H nộp số tiền đánh bạc 1.218.000đ (một triệu hai trăm mười tám ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc ông Nguyễn Thành N nộp số tiền đánh bạc 2.870.000đ (hai triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: *Các vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/8/2020 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được xử lý như sau:*

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 02 (hai) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong máy, có niêm phong chữ ký của Huỳnh Thị Yến N, Thân Trần Thanh T.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bộ cờ cá ngựa 12 (mười hai) con và 02 (hai) hột xí ngầu đã qua sử dụng.

- Hoàn trả bà Hà Thị Ngọc H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 380.000đ (ba trăm tám mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số No 001740 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

4. Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H mỗi bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Hồng H có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát cùng cấp: 1;
- Viện kiểm sát tỉnh: 1;
- Công an cùng cấp: 1;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh: 1;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Sở Tư pháp: 1;
- UBND phường H, TPVL: 1;
- Bị cáo: 1;
- Đương sự khác: 3;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân